

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Hồng

2. Ông Ngô Hữu Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm-Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 683/2017/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐHPT-HNGĐ ngày 04/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mai K, sinh năm 1991 (có mặt)

Thường trú: Xã H, huyện T, tỉnh B

Tạm trú: Số 163/3/4 đường M, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Nguyễn Lam Đ, sinh năm 1963 (có mặt)

Địa chỉ: Số 163/3/4 đường M, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mai K trình bày: Bà và ông Phan Nguyễn Lam Đ quen biết năm 2010. Sau một thời gian tìm hiểu, bà chung sống cùng

với ông Đ như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, không có tổ chức đám cưới. Ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn khi bà mang thai, kinh tế khó khăn, bà phải đi làm để kiếm tiền, còn ông Phan Nguyễn Lam Đ chỉ đợi tiền trợ cấp từ nước ngoài gửi về cho, cũng từ đó ông bà thường xuyên gây gổ, cãi vã. Trong thời gian chung sống bà nhận thấy giữa bà và ông Phan Nguyễn Lam Đ không có sự thông cảm chia sẻ với nhau trong cuộc sống gia đình, cách nuôi dạy, chăm sóc con cái cũng khác nhau, mâu thuẫn vẫn tiếp tục kéo dài cho đến khi bà sinh con thứ 2 cho đến nay.

Mặc dù bà đã nhiều lần cố gắng khắc phục, nhẫn nhịn, đồng thời cũng nói chuyện với ông Phan Nguyễn Lam, nhưng ông Phan Nguyễn Lam Đ vẫn không thay đổi, cứ mỗi lần như vậy bà và ông Phan Nguyễn Lam cãi vã, chửi nhau. Sau một thời gian không thể tiếp tục chịu đựng được nữa, bà nhận thấy tình cảm ông bà không còn, mâu thuẫn kéo dài, thời gian ông bà chung sống cũng không hạnh phúc làm ảnh hưởng đến con cái, bà và ông Đ không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2017 cho đến nay, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng của bà và ông Phan Nguyễn Lam Đ.

- Về con chung: Bà xác nhận có hai con chung họ và tên: Phan Trần Kinh Q (nam), sinh ngày 13/4/2011 và Phan Trần Bảo T (nữ), sinh ngày 20/3/2013

Bà Trần Thị Mai K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu ông Phan Nguyễn Lam Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung 6.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai trẻ trưởng thành.

- Về tài sản chung: Bà xác nhận ông bà có tài sản chung là căn nhà tại số 163/3/4 đường M, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh., bà yêu cầu được chia 500.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Không có.

Tại buổi hòa giải ngày 19/12/2017 bà Trần Thị Mai K đồng ý và có đơn rút phần yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu ông Phan Nguyễn Lam Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thị Mai K xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng của bà và ông Phan Nguyễn Lam Đ như đơn ngày 01/11/2017 và xác định rút phần yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu ông Phan Nguyễn Lam Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nếu có tranh chấp ông bà sẽ kiện bằng vụ kiện khác.

Bị đơn ông Phan Nguyễn Lam Đ trình bày: Ông và bà Trần Thị Mai K chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, nhưng giữa ông và bà Trần Thị Mai K không có đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Trần Thị Mai K theo bạn bè đi làm nhà hàng, vợ chồng ông bà thường xuyên gây gổ, cãi vã và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà Trần Thị Mai K đã dọn ra ngoài sống được một năm cho đến nay.

Đối với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà K, ông đồng ý.

Về con chung: Ông Phan Nguyễn Lam Đ xác nhận nội dung bà K trình bày là đúng, quá trình chung sống ông và bà K có hai con chung là Phan Trần Kinh Q (nam), sinh ngày 13/4/2011 và Phan Trần Bảo T (nữ), sinh ngày 20/3/2013, hiện hai trẻ đang sống với ông, nay ông đồng ý để bà Trần Thị Mai K được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Đối với căn nhà tại số 163/3/4 đường M, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của ông, ông đã dùng số tiền bán căn nhà trước đây của mình để mua căn nhà trên nên, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà K và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung: Bà K trực tiếp nuôi con không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên ghi nhận sự tự nguyện của bà K. Bà K rút yêu cầu không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đ/tháng nên đề nghị đình chỉ yêu cầu này.

Về tài sản: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà K yêu cầu được chia căn nhà số 163/3/4 đường M, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền được chia là 500.000.000 đồng sau đó bà có đơn xin rút yêu cầu nên đề nghị đình chỉ yêu cầu này.

Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Trần Thị Mai K có đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với ông Phan Nguyễn Lam Đ đây là quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Phan Nguyễn Lam Đ cư trú tại quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mai K yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Phan Nguyễn Lam Đ, bà và ông Phan Nguyễn Lam Đ không có đăng ký kết hôn, bà và ông Phan Nguyễn Lam Đ chung sống không còn hạnh phúc, do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp dẫn đến bà và ông Phan Nguyễn Lam Đ không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Bị đơn ông Phan Nguyễn Lam Đ cũng đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với bà K, ông cho rằng tình cảm giữa ông và bà K không còn, mỗi người sống mỗi nơi khác nhau khoảng hơn năm nay.

Bà Trần Thị Mai K và ông Phan Nguyễn Lam Đ cùng xác nhận ông bà chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, không đăng ký kết hôn, không tổ chức lễ cưới, quá trình chung sống có 02 con chung là trẻ Phan Trần Kinh Q (nam), sinh ngày 13/4/2011 và Phan Trần Bảo T (nữ), sinh ngày 20/3/2013,

nhưng do một số lý do khách quan nên ông, bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Xét:

Căn cứ vào Công văn số 228/UBND ngày 20/12/2017 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Bến Tre trả lời xác minh của Tòa án nhân dân Quận 7: “...Qua kiểm tra sổ lưu đăng ký kết hôn trong thời gian bà Trần Thị Mai K cư trú tại xã H...đến nay không có đăng ký kết hôn tại xã H..”.

Căn cứ vào Phiếu xác minh số 359 ngày 08/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7 xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận A: “...Ông Phan Nguyễn Lam Đ và bà Trần Thị Mai K không có đăng ký kết hôn tại địa phương...”.

Bà Trần Thị Mai K, sinh năm 1991 và ông Phan Nguyễn Lam Đ, sinh năm 1963 có đủ điều kiện kết hôn, nhưng ông bà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay, bà Trần Thị Mai K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Mai K với ông Phan Nguyễn Lam Đ; cũng như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

Về phần con chung: Căn cứ Giấy trích lục khai sinh (bản sao) số 104 quyền số 01/2011 ngày 23/4/2011 và Giấy khai sinh (bản sao) số 112, Quyền số 02/2013 ngày 11/4/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì trẻ Phan Trần Kinh Q (nam), sinh ngày 13/4/2011 và Phan Trần Bảo T (nữ), sinh ngày 20/3/2013 là con chung của bà Trần Thị Mai K và ông Phan Nguyễn Lam Đ.

Bà Trần Thị Mai K và ông Phan Nguyễn Lam Đ thống nhất với nhau tại biên bản hòa giải ngày 19/12/2017, ông Đ đồng ý giao trẻ Phan Trần Kinh Q (nam), sinh ngày 13/4/2011 và Phan Trần Bảo T (nữ), sinh ngày 20/3/2013 cho bà Trần Thị Mai K trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Nguyễn Lam Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung:

Ngày 19/12/2017 bà Trần Thị Mai K rút yêu cầu chia tài sản chung; các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mai K phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 232, Điều 266, Điều 273, Điều 280 của Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Mai K với ông Phan Nguyễn Lam Đ.

[2]. Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị Mai K, ông Phan Nguyễn Lam Đ xác nhận có 2 con chung: trẻ Phan Trần Kinh Q (nam), sinh ngày 13/4/2011 và trẻ Phan Trần Bảo T (nữ), sinh ngày 20/3/2013.

Ông Phan Nguyễn Lam Đ đồng ý để bà Trần Thị Mai K được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung: trẻ Phan Trần Kinh Q (nam), sinh ngày 13/4/2011 và Phan Trần Bảo T (nữ), sinh ngày 20/3/2013. Ông Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Phan Nguyễn Lam Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; vì lợi ích của trẻ, trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Trần Thị Mai K (theo đơn rút yêu cầu ngày 19/12/2017)

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về nợ chung: không có.

[6]. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, nguyên đơn bà Trần Thị Mai K phải chịu được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Mai K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0024543 ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Trần Thị Mai K số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 6.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0024545 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

[8]. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS, Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)